TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hồng Loan.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Phước L, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phùng Thị Cẩm T, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trần Phước L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L và chị Phùng Thị Cẩm T tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 08/01/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh

phúc. Anh L và chị T sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay. Về hôn nhân: Anh L yêu cầu ly hôn với chị T; về con chung: trong thời gian chung sống anh L và chị T có một con chung tên Trần Thị Diễm T1, sinh ngày 27/11/2012, hiện nay cháu T1 đang sống với anh L. Anh L yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời của đương sự ngày 25/3/2025, bị đơn chị Phùng Thị Cẩm T trình bày: Chị T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 208/TB-TLVA, ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Về hôn nhân: Chị T đồng ý ly hôn với anh L. Về con chung: Chị T đồng ý giao con chung tên Trần Thị Diễm T1, sinh ngày 27/11/2012 cho anh L nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho anh L ly hôn với chị T; về con chung: giao con chung tên Trần Thị Diễm T1 cho anh L nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị T không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn đang cư trú tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Trần Phước L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn chị Phùng Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà

vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của anh L. Anh L và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Anh L và chị T không chung sống cùng nhau từ tháng 02/2016 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Anh L yêu cầu ly hôn, chị T đồng ý ly hôn. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của anh L được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu của anh L về con chung. Cháu Trần Thị Diễm T1 là con chung của anh L và chị T, từ sau khi anh L và chị T không sống chung, cháu T1 vẫn đang sống chung với anh L đến nay; cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với cha ruột là anh L. Anh L đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu T1. Hiện nay, anh L có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung, chị T đồng ý giao con chung là cháu T1 cho anh L nuôi dưỡng. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Thị Diễm T1 cho anh Trần Phước L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T không ai được cản trở. Chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh L. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T không chịu án phí; anh L phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1

Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phước L.

1. Về hôn nhân: cho anh Trần Phước L và chị Phùng Thị Cẩm T ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Trần Thị Diễm T1, sinh ngày 27/11/2012 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T không ai được cản trở. Chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh L. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T không phải chịu án phí; anh L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng anh L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006910 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng.KTNV-THA);
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan